

Số: 947 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Thừa Thiên Huế

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định tài trợ tín dụng số 6079-VIE, ký ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB) về dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR);

Căn cứ Quyết định số 1249/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) do WB tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung

*Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc phê duyệt đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;*

*Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-BNN-HTQT ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh lần 2 Quyết định phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR);*

*Căn cứ Quyết định số 2562/QĐ-BNN-HTQT ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh Quyết định 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR);*

*Căn cứ Quyết định số 5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc điều chỉnh đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR) vay vốn Ngân hàng Thế giới;*

*Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế ;*

*Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1075/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 3 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019, Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung chính như sau:

**1. Điều chỉnh điểm b khoản 6 Điều 1 của Quyết định 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019:**

b) Kết quả chủ yếu của dự án:

- Trồng mới rừng phòng hộ ngập mặn và trên cạn ven biển: 161,80 ha.
- Phục hồi rừng phòng hộ trên cạn ven biển: 255,01 ha.

- Bảo vệ rừng ven biển bền vững thông qua hình thức giao khoán cho nhóm hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư, ban quản lý rừng (chủ rừng) quản lý, bảo vệ rừng lâu dài theo cơ chế đồng chia sẻ lợi ích: 8.017,34 ha.
- Phân định ranh giới và đóng mốc cho các chủ rừng: 305 mốc.
- Khoảng 34 cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp thông qua các cơ chế khuyến khích các hộ gia đình, cộng đồng, Ban quản lý rừng (chủ rừng) tham gia bảo vệ, trồng và phục hồi rừng ven biển, rừng ngập mặn ven sông để tăng thu nhập và cải thiện sinh kế.
- Các khu vực ven biển có nguy cơ rủi ro cao do thiên tai bão lũ gây thiệt hại lớn đến các khu dân cư sinh sống, sản xuất sẽ được đầu tư bằng các giải pháp công trình chống sạt lở, gây bồi, tạo bãi để phục hồi, phát triển rừng ven biển.
- Các khu vực đất công cộng sẽ được dự án hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn xã để trồng, chăm sóc và bảo vệ lâu dài.
- Hỗ trợ 25 gói đầu tư gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển với giá trị trung bình dự kiến là 10.000 USD/gói được xác định thông qua một quá trình lựa chọn cạnh tranh.
- Hỗ trợ 11 gói nâng cấp các cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa, dịch vụ từ các khu rừng ven biển, với giá trị không quá 600.000 USD/gói (Tương đương không quá 15 tỷ đồng/gói) cho các xã thuộc vùng dự án nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và thiết lập liên kết các hoạt động tạo thu nhập của các nhóm cộng đồng tham gia bảo vệ rừng và người dân địa phương.
- Hỗ trợ 04 gói đầu tư với giá trị không quá 400.000 USD/gói (Hỗ trợ đầu tư các công nghệ để: phục vụ phát triển sản xuất) thông qua quá trình lựa chọn cạnh tranh nhằm tạo chuỗi giá trị sản phẩm nông lâm, ngư nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát dịch bệnh cho các hợp tác xã, liên kết hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, hội và hiệp hội ... thuộc vùng dự án để từ đó làm tăng thu nhập của người dân ven biển tham gia quản lý rừng bền vững.
- Tăng cường năng lực quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng, chính quyền địa phương, nhóm hộ, cộng đồng và các bên liên quan thông qua hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và các giải pháp giám sát theo dõi rừng.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng địa phương và khuyến khích họ tham gia quản lý, bảo vệ bền vững rừng ven biển, ven sông sau khi dự án kết thúc.

**2. Điều chỉnh khoản 7 Điều 1 của Quyết định 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019:**

7. Địa điểm thực hiện dự án: Dự án thực hiện trên địa bàn 06 huyện, thị xã, thành phố: huyện Quảng Điền, huyện Phú Vang, huyện Phú Lộc, thị xã Hương Trà, huyện Phong Điền, thành phố Huế. Cụ thể như sau:

- Huyện Phong Điền: 08 xã (Điền Hương, Điền Hòa, Điền Lộc, Điền Môn, Phong Bình, Phong Chương, Phong Hiền và Phong Hòa).
- Huyện Quảng Điền: 05 xã/ thị trấn (Quảng Thái, Quảng Công, Quảng Lợi, Quảng Phước và thị trấn Sịa).
- Huyện Phú Vang: 08 xã (Phú Diên, Phú Hải, Phú Thuận, Phú Xuân, Vinh An, Vinh Thanh, Vinh Xuân và Vinh Hà).
- Huyện Phú Lộc: 09 xã/ thị trấn (Lộc Vĩnh: Ban QLR PH Bắc Hải Vân), Giang Hải, Vinh Hiền, Vinh Mỹ, Lộc Bình, Lộc Điền, Lộc Trì, thị trấn Phú Lộc và thị trấn Lăng Cô).
- Thị xã Hương Trà: 01 xã Bình Thành (Ban QLR PH Sông Hương).
- Thành phố Huế: 03 xã/ phường (Hải Dương, Hương Phong và phường Thuận An).

**3. Điều chỉnh khoản 8 Điều 1 của Quyết định 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019:**

8. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2026.

**4. Điều chỉnh khoản 9 Điều 1 của Quyết định 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019:**

9. Tổng ngân sách và nguồn vốn của dự án: 11.160.000 USD, tương đương 264.124.000.000 tỷ VNĐ (tính theo tỷ giá NHNN công bố tháng 06/2023: 1 USD = 23.667 VNĐ). Bao gồm:

a) Vốn vay IDA từ WB: 8.193.000 USD tương đương 193.904.000.000 đồng. Gồm:

- Vốn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy nhiệm chi: 898.000 USD tương đương 21.253.000.000 đồng

- Vốn cấp phát trực tiếp về địa phương (70%): 5.107.000 USD tương đương 120.844.000.000 đồng

- Vốn vay lại (30%): 2.189.000 USD tương đương 51.807.000.000 đồng.

b) Vốn đối ứng: 2.967.000 USD tương đương 70.220.000.000 đồng.

- Vốn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy nhiệm chi: 879.000 USD tương đương 20.803.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 2.088.000 USD tương đương 49.417.000.000 đồng.

**5. Điều chỉnh Khoản 10 Điều 1 của Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019, Điều 1 Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 11 tháng 2 năm 2020:**

10. Cơ chế tài chính trong nước:

a) Phần vốn vay IDA (không bao gồm chi trả thuế và phí):

- Đối với hoạt động trồng mới và phục hồi rừng với kinh phí (898.000 USD): Ngân sách trung ương cấp phát 100% cho tỉnh từ nguồn phân bổ của Ban Quản lý dự án trung ương (CPMU).

- Đối với các hoạt động còn lại: Ngân sách trung ương cấp phát 70%, tỉnh vay lại 30%.

b) **Vốn đối ứng:**

- Ngân sách trung ương cấp phát cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó phân bổ cho tỉnh Thừa Thiên Huế 879.000 USD để thực hiện hoạt động trồng mới và phục hồi rừng.

- Tỉnh Thừa Thiên Huế bố trí số vốn còn lại để thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh tại hợp phần 2, hợp phần 3 và hợp phần 4, các hoạt động sau năm 2023, hoạt động của Ban Quản lý dự án tỉnh, các loại thuế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác tại Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019, Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế không trái với nội dung Quyết định này được giữ nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban QLDA các dự án Lâm nghiệp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc và thị xã Hương Trà; thành phố Huế;
- VP: LĐ và CV: TC, TH;
- Lưu: VT, NN, ĐN.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải Minh**